

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2019/HS-ST**

Ngày: **28/11/2019**

**NHÂN DÂN  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Thế Anh.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Ngô Gia Khánh và ông Vũ Xuân Dự.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, Th- ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2019/HSST ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HS ngày 14/11/2019 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thành V;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác : Không; Sinh năm 1993 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm 1, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12

Bố đẻ Nguyễn Văn D, sinh năm 1969 và mẹ: Nguyễn Thị N sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm di khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**2. Phạm Văn P;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác : Không; Sinh năm 1962 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 5/10

Bố đẻ Phạm Văn M ( Đã chết) ; mẹ đẻ Trần Thị T (Đã chết); Gia đình có 10 anh chị em, bản thân là con thứ 07; Vợ: Trần Thị M1, sinh năm 1963 chỗ ở hiện nay: Xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm di khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**3. Vũ Văn L;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác : Không; Sinh năm 1994 tại: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 6/12.

Bố đẻ Vũ Văn Q, sinh năm 1961 và mẹ đẻ Trần Thị N1, sinh năm 1968; Gia đình có 03 anh em, bản thân là con thứ 02; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**4. Nguyễn Gia C;** (Tên gọi khác Nguyễn Văn C); Giới tính: Nam; Sinh năm 1970 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Bác sỹ trạm y tế xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Là đảng viên đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 06/11/2019; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 12/12

Bố đẻ Nguyễn Gia C1, sinh năm 1948 và mẹ: Phạm Thị L1, sinh năm 1948; Gia đình có 05 anh em, bản thân là con thứ nhất; Vợ: Vũ Thị T1, sinh năm 1972, chỗ ở hiện nay: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con : có 02 con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa

**5. Nguyễn Văn L2;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác : Không; Sinh năm 1957 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm 9, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/10

Bố đẻ Nguyễn Văn V1, sinh năm 1921 (đã chết) và mẹ đẻ Hoàng Thị Q, sinh năm 1927 (đã chết); Gia đình có 05 anh em, bản thân là thứ 03 trong gia đình; Vợ: Không Thị H, sinh năm 1962, chỗ ở hiện nay: Xóm 9, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa

**6. Đỗ Văn Q1;** (Tên gọi khác: Đỗ Văn Q2) ; Giới tính: Nam; Sinh năm 1992 tại: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 8/12

Bố đẻ Đỗ Xuân K, sinh năm 1950 và mẹ đẻ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955; Gia đình có 06 anh em, bản thân là con út; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa

**7. Nguyễn Văn V2;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1987 tại: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm 1, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 2/12.

Bố đẻ Nguyễn Văn G, sinh năm 1963 và mẹ đẻ Nguyễn Thị L2; sinh năm 1962; Gia đình có 04 anh em, bản thân là con thứ 02 trong gia đình; Vợ, con: chưa có

Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**8. Trần Văn T2;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1986 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 6/12

Bố đẻ Trần Văn H1, sinh năm 1952 và mẹ đẻ Bùi Thị M1, sinh năm 1955; Gia đình có 06 anh em, bản thân là con thứ 4; Vợ: Trịnh Ngọc Tám, sinh năm 1991, chỗ ở hiện nay: Xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo đều bị tạm giữ từ hồi 00 giờ 15 phút ngày 25/9/2019 đến ngày 27/9/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh.

**- Ng- ời làm chứng:**

+ Anh Trần Văn T3, sinh năm 1981; trú tại: xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Trần Văn A, sinh năm 1994; trú tại: xóm 4, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị L3, sinh năm 1989; trú tại: xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị D1, sinh năm 1979; trú tại: xóm 4, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đ- ọc tóm tắt nh- sau :

00h15' ngày 25/9/2019 Công an huyện K phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thành V, Nguyễn Gia C, Nguyễn Văn V2, Phạm Văn P, Nguyễn Văn L2, Trần Văn T2, Đỗ Văn Q1 và Vũ Văn L đánh bạc tại nhà Nguyễn Thành V ở xóm 1, xã N, Huyện K, tỉnh Ninh Bình. Thu giữ tại chiếu và xung quanh khu vực các đối tượng ngồi đánh bạc số tiền là 13.160.000đ, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa. Ngoài ra còn tạm giữ 08 máy điện thoại di động các loại; 04 xe mô tô các loại đã qua sử dụng. Thu trên người các đối tượng tham gia đánh bạc là 9.920.000đ; trong đó thu trên người Nguyễn Văn C 3.640.000đ; trên người Nguyễn Thành V 2.190.000đ; trên người Trần Văn T2 360.000đ; trên người Vũ Văn L 1.180.000đ; trên người Phạm Văn P 300.000đ; trên người Nguyễn Văn L2 2.250.000đ.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: do có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước và có ý định cùng nhau đánh bạc nên 16h33' ngày 24/9/2019 V gọi điện cho C hỏi về việc xin giấy khám sức khỏe và bảo C xuống nhà có việc. đến 19h00' cùng ngày, Chính một mình đi xe mô tô đến nhà V. Sau khi nói

chuyện với C thì V gọi điện cho Nguyễn Văn V2 đến nhà để chơi. Khoảng 20h00' cùng ngày thì V2 đi bộ đến; trong lúc V, C, V2 ngồi nói chuyện với nhau V nói "Có đánh liêng không?" cả C và V đều đồng ý. Lúc này, C đi ra xe lấy bộ bài đã mua từ trước rồi C, V, V2 ngồi trên chiếu đã được trải sẵn ở gian buồng phía Đông nhà ở của gia đình Nguyễn Thành V để đánh bạc bằng hình thức chơi "Liêng" với mức góp "Gà" là 10.000đ (Mười nghìn đồng), tố hết "Lán" là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) là hình thức người chơi sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân để chơi bài, mỗi ván mỗi người phải đặt vào giữa chiếu 10.000đ (Mười nghìn đồng) gọi là tiền "Gà", sau đó chia cho mỗi người 03 quân bài. Sau khi xem bài của mình thì người chơi có thể đặt tiếp nhưng không quá 100.000đ (Một trăm nghìn), ai tiếp tục theo thì bỏ tiền vào giữa chiếu, ai không theo thì úp bài. Nếu có người theo thì lật bài độ với nhau, ai bài to hơn thì thắng, người thắng được lấy hết số tiền trên chiếu của ván đó. Bài to nhất là bài có 03 quân bài giống nhau gọi là "Sáp", "Sáp" của quân bài lớn hơn thì lớn hơn, lớn nhất là "Át", nhỏ nhất là "2"; sau "Sáp" là "Bộ đội" (03 quân đồng người) tiếp đến là "Liêng" nghĩa là có 03 quân bài liền nhau, trong đó "Liêng" to nhất là "Q,K,Át" và nhỏ nhất là "Át, 2,3"; nếu trong tất cả các người chơi không có ai có "Sáp" hoặc "Liêng" thì cộng điểm 03 quân bài với nhau, "09" điểm là to nhất, "0" điểm là nhỏ nhất.

Một lúc sau, C dùng điện thoại cá nhân của mình gọi điện cho Phạm Văn P và chỉ đường cho P tìm đến nhà V để cùng đánh bạc, đến nơi, thấy 03 người đang đánh bạc nên P xin vào ngồi chơi cùng. Đến khoảng 21h cùng ngày, Nguyễn Văn L2, Trần Văn T3 và Trần Văn A lần lượt đi đến nhà V chơi thì gặp 04 người đang đánh bạc, L2 cũng xin tham gia chơi cùng còn T3 và A ngồi xem. Tiếp đó đến khoảng 21h15' cùng ngày, trên đường đi từ nhà người quen về nhà, Trần Văn T2 đến nhà V chơi, thấy có người đánh bạc nên T2 cũng xin tham gia chơi cùng mọi người. Khoảng 22h00' cùng ngày, Đỗ Văn Q1 đi đến nhà V chơi thấy 06 người đang ngồi đánh bạc thì Q1 ngồi xem. Đến khoảng 23h15' cùng ngày, Vũ Văn L là bạn của A và có ý định rủ A đi chơi nên L qua nhà Nguyễn Thành V để đón A, tuy nhiên khi đến nơi thấy 06 người đang đánh bạc thì L cũng xin tham gia chơi cùng. Một lúc sau, Q1 đang ngồi xem cũng vào xin tham gia chơi cùng. Đến 0h15 phút ngày 25/9/2019 thì bị phát hiện bắt giữ.

Bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 07/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đó truy tố các bị cáo Nguyễn Thành V, Nguyễn Gia C, Nguyễn Văn V2, Trần Văn T2, Đỗ Văn Q1, Nguyễn Văn L2, Vũ Văn L, Phạm Văn P theo Khoản 1, 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thành V, Nguyễn Gia C, Nguyễn Văn V2, Trần Văn T2, Đỗ Văn Q1, Nguyễn Văn L2, Vũ Văn L, Phạm Văn P phạm tội "Đánh bạc".

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V 33 đến 38 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, v khoản 1 Điều 51, BLHS năm 2015 xử phạt bị Nguyễn Gia C ( Nguyễn Văn C) từ 35 đến 40 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 ( riêng bị cáo Lưu áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 ) BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn V2, Phạm Văn P từ 28 đến đến 33 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt các bị cáo Trần Văn T2, Đỗ Văn Q1, Vũ Văn L mỗi bị cáo từ 23 đến 28 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 18.700.000đ. Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài lơ khơ 52 quân; 01 chiếu nhạ.

- Tịch thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia-225, màu đen của Nguyễn Gia C và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6.1 Plus, màu đen của Nguyễn Thành V sung quỹ nhà nước

- Trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$  biển kiểm soát 35K1-037.80, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A30 và số tiền 1.180.000VNĐ cho bị cáo L; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 35K1-354.87, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 và số tiền 3.200.000VNĐ cho bị cáo C; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Smash biển kiểm soát 35N4-8050, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu xanh cho bị cáo T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7-2018 cho bị cáo Q1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 cho bị cáo L2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu opp A83 cho bị cáo V2. Nhưng tiếp tục quản lý các tài sản này đảm bảo thi hành án.

- Chuyển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 52F5-2603, nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$ , màu xanh và đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Trang E thu của bị cáo P cho cơ quan công an huyện K xử lý theo quy định.

+ Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm trừ bị cáo L2 được miễn án phí

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình đã thực hiện tối ngày 24/9/2019 đêm ngày 25/9/2019 như tóm tắt nội dung vụ án của tòa án. Các bị cáo khi tham gia đánh bạc Nguyễn Thành V có 1.230.000đ (Một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), Đỗ Văn Q1 có 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), Trần Văn T2 có 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Nguyễn Văn V2 có 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng), Phạm Văn P có 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), Nguyễn Văn L2 có 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) đều sử dụng hết để đánh bạc; Nguyễn Gia C có 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) nhưng chỉ sử dụng 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), còn lại 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) để trên người không sử dụng vào việc đánh bạc; Vũ Văn L có 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng chỉ

sử dụng 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng), còn lại 1.180.000đ (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) để trên người không sử dụng vào việc đánh bạc.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi đến 00h15' ngày 25/9/2019, lời khai của làm chứng và vật chứng thu giữ và số tiền 18. 700.000đ sử dụng đánh bạc, cùng dụng cụ dùng để đánh bạc là 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu nhựa.

Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ ngày 24/09/2019 đến 00 giờ 15 phút ngày 25/09/2019, tại nhà của Nguyễn Thành V - xóm 1, xã N, huyện K, 08 bị cáo Nguyễn Thành V, Nguyễn Gia C, Nguyễn Văn V2, Trần Văn T2, Đỗ Văn Q1, Nguyễn Văn L2, Vũ Văn L, Phạm Văn P đã có hành vi “Đánh bạc” được thua bằng tiền bằng hình thức chơi “Liêng” với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 18.700.000đ các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc rủ rê, tụ tập, đánh bạc là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là các bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung đồng thời ngăn chặn loại hình đánh bạc này lan rộng.

[3] Trong vụ án này HĐXX thấy: vụ án có đông bị cáo tham gia nhưng phạm tội mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra:

Bị cáo Nguyễn Thành V với vai trò là chủ nhà, khi được Nguyễn Gia C gọi liên lạc hỏi về việc đánh bạc thì chủ động gọi điện rủ rê, khởi xướng việc đánh bạc, tham gia đánh bạc ngay từ đầu. Tuy không thu lợi gì từ việc rủ rê và để cho bảy người khác đánh bạc tại nhà ở của mình nên bị cáo không phạm tội “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” nhưng giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Gia C là người chủ động dò hỏi bị cáo Nguyễn Thành V để tham gia đánh bạc, chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ để sử dụng vào việc đánh bạc và gọi điện rủ rê bị cáo Phạm Văn P đến để đánh bạc giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Văn L2 là người có số tiền huy động để đánh bạc lớn nhất và bị cáo Nguyễn Văn V2, Phạm Văn P tham gia đánh bạc ngay từ đầu thể hiện việc tích cực phạm tội tính chất mức độ của hành vi của các bị cáo này giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Các bị cáo Đỗ Văn Q1, Trần Văn T2, Vũ Văn L cùng đồng phạm với vai trò là người thực hành tham gia đánh bạc sau, tính chất mức độ của hành vi của các bị cáo này giữ vai trò cuối cùng trong vụ án

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo được quy định tại điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo C là người có thành tích trong học tập tập công tác được tặng bằng khen, danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 và Điều 58 BLHS năm 2015 nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy; khoan hồng đối với đồng phạm với vai trò thứ yếu thì thấy rằng:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích là thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc, số tiền huy động để đánh bạc không lớn, nhân thân các bị cáo chưa vi phạm lần nào nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo V giữ vai trò đầu vụ cần có mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại do đó cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính và áp dụng hình phạt tiền bổ sung nhằm tăng tính nghiêm minh

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn V2, Trần Văn T2, Đỗ Văn Q1, Nguyễn Văn L2, Vũ Văn L, Phạm Văn P chỉ áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo C và L2, V2, P giữ vai trò thứ hai và ba trong vụ án mức hình phạt tiền phải cao hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Q1, T2, L mức hình phạt tiền của các bị cáo là như nhau.

[6] Đối với Trần Văn T3 và Trần Văn A là người không tham gia đánh bạc nhưng biết việc đánh bạc của các bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản, không báo cáo hành vi vi phạm của các bị cáo với cơ quan chức năng mà còn ngồi xem, mặc dù không phạm tội “không tố giác tội phạm” nhưng chưa thực hiện đúng nghĩa vụ công dân của mình cần nhắc nhở các anh thực hiện tốt nghĩa vụ của mình.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 18.700.000Đ ( Mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng) mà các bị can đã sử dụng để đánh bạc, bao gồm: 13.160.000đ trên chiếu bạc và xung quanh vị trí ngồi của các đối tượng; 2.250.000đ trên người của Nguyễn Văn L2; 440.000đ trong số tiền 3.640.000đ trên người Nguyễn Gia C; 2.190.000đ trên người Nguyễn Thành V; 360.000đ trên người Trần Văn T2 và 300.000đ trên người Phạm Văn P là tiền sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 bộ bài lơ khơ 52 quân; 01 chiếu nhựa là công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia-225, màu đen của Nguyễn Gia C và điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6.1 Plus, màu đen của Nguyễn Thành V sử dụng để liên lạc, rủ rê đi đánh bạc là phương tiện phạm tội còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ nhà nước

Những vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$ , màu xanh, biển kiểm soát 35K1-037.80, số khung 472013, số máy 3272028; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A30, màu đen, số IMEI :354874108188277 và số tiền 1.180.000VNĐ của bị cáo L. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu xanh, biển kiểm soát 35K1-354.87; số khung 3813GY1169943, số máy JA38E0370505 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu vàng, số IMEI: 35975207171363301 và số tiền 3.200.000VNĐ của bị cáo C. 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N4-8050, nhãn hiệu Suzuki Smash, màu đen, số khung 050202452, số máy VN202452 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu xanh, số IMEI: 867939047719019 của bị cáo T2. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7-2018, màu vàng, số IMEI: 353465101435798 của bị cáo Q1. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu tím, số IMEI: 355492056824466 của bị cáo L2; 01 điện thoại Oppo A83 của bị cáo V2. Các vật chứng thu giữ này không liên quan đến hành vi phạm tội là tài sản cá nhân của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với chiếc xe xe mô tô biển kiểm soát 52F5-2603, nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$  màu xanh, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Trang E, địa chỉ: 205/32, Trần Văn Đ, phường P, Quận 3, TP Hồ Chí Minh thu của bị cáo P. Quá trình điều tra, bị cáo P khai đã mua và sử dụng từ khoảng 10 năm trước, xe có giấy đăng ký; cơ quan điều tra đã tra cứu chưa có kết quả. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử công an Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh có văn bản xác định chiếc xe trên đã bị trộm cắp có trong dữ liệu xe máy tang vật toàn quốc do Bộ Công an quản lý. Cơ quan công an huyện K yêu cầu chuyển vật chứng là xe mô tô Biển kiểm soát 52F5-2603 từ kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K để bàn giao cho cơ quan CSĐT Công an Quận 9 thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo thẩm quyền. Do đó việc chuyển chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 52F5-2603, nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$ , đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Trang E, địa chỉ: 205/32, Trần Văn Đ, phường P, Quận 3, TP Hồ Chí Minh thu của bị cáo P cho cơ quan công an huyện K để làm rõ là phù hợp.

[9] Về án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000<sup>d</sup> án phí HSST. Bị cáo L2 là người cao tuổi được miễn án phí.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng khụng cú ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên :

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Thành V, Nguyễn Gia C ( Nguyễn Văn C), Nguyễn Văn V2, Trần Văn T2, Đỗ Văn Q1 ( Đỗ Văn Q2), Nguyễn Văn L2, Vũ Văn L, Phạm Văn P phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1 và 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V 12 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ 5% thu nhập đối với bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung ngân sách nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã N nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo V được trừ 09 ngày cải tạo không giam giữ cho thời gian tạm giữ 03 ngày từ 25/09/2019 đến 27/09/2019 còn phải thi hành 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Thành Văn cho UBND xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS năm 2015 xử phạt bị Nguyễn Gia C ( Nguyễn Văn C) 35 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 ( riêng bị cáo L2 áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 )và Điều 35 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn V, Phạm Văn P mỗi bị cáo 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và 35 BLHS năm 2015. Xử phạt các bị cáo Trần Văn T2, Đỗ Văn Q1 (Đỗ Văn Q2) , Vũ Văn L, mỗi bị cáo 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

**2. Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015 Điều 47 BLHS

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 18.700.000đ.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài lơ khơ 52 quân; 01 chiếc nhựa.

- Tịch thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia-225, màu đen của Nguyễn Gia C và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6.1 Plus màu đen của Nguyễn Thành V sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho các bị cáo các tài sản sau nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án cụ thể:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$ , màu xanh, biển kiểm soát 35K1-037.80, số khung 472013, số máy 3272028; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A30, màu đen, số IMEI 354874108188277 và số tiền 1.180.000VNĐ cho bị cáo L.

+ Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu xanh, biển kiểm soát 35K1-354.87; số khung 3813GY1169943, số máy JA38E0370505 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu vàng, số IMEI: 35975207171363301 và số tiền 3.200.000VNĐ cho bị cáo C.

+ Trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N4-8050, nhãn hiệu Suzuki Smash, màu đen, số khung 050202452, số máy VN202452 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu xanh, số IMEI: 867939047719019 cho bị cáo Tuấn.

+ Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7-2018, màu vàng, số IMEI: 353465101435798 cho bị cáo Quế (Quý).

+ Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu tím, số IMEI: 355492056824466 cho bị cáo L2.

+ Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83, màu vàng đồng, số IMEI: 867609030199095 cho bị cáo V2.

- Chuyển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 52F5-2603, nhãn hiệu Honda Wave  $\alpha$  màu xanh và đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Trang E thu của bị cáo P cho cơ quan công an huyện K xử lý theo quy định.

**3. Án phí:** Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc các bị cáo V, C, V2, T2, Q1, L, P mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L2.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời có quyền, nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã N;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thế Anh**